

“Khi Bồ-tát suy nghĩ tới cái khổ tập ấm¹ ấy, liền phát sinh trí, phát sinh nhãn², phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, phát sinh chứng ngộ³.

“Bồ-tát lại suy nghĩ: ‘Do cái gì không có thì già chết không có? Do cái gì diệt thì già chết diệt?’ Rồi bằng trí tuệ, Ngài quán sát nguyên do, biết rằng, do sanh không có nên già chết không có; do sanh diệt nên già chết diệt; do hữu không có nên sanh không có, hữu diệt nên sanh diệt; do thủ không có nên hữu không có, thủ diệt nên hữu diệt; do ái không có nên thủ không có, ái diệt nên thủ diệt; do thọ không có nên ái không có, thọ diệt nên ái diệt; do xúc không có nên thọ không có, xúc diệt nên thọ diệt; do lục nhập không có nên xúc không có, lục nhập diệt nên xúc diệt; do danh sắc không có nên lục nhập không có, danh sắc diệt nên lục nhập diệt; do thức không có nên danh sắc không có, thức diệt nên danh sắc diệt; do hành không có nên thức không có, hành diệt nên thức diệt; do si không có nên hành không có, si diệt nên hành diệt. Thế tức là vì si diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên già chết ưu bi khổ não diệt.

“Khi Bồ-tát suy nghĩ về khổ ấm diệt như thế liền phát sinh trí, phát sinh nhãn, phát sinh giác, phát sinh minh, phát sinh thông, phát sinh tuệ, phát sinh chứng.

“Sau khi Bồ-tát quán mười hai nhân duyên theo hai chiều thuận nghịch, biết như thật, thấy như thật, ngay tại chỗ, Ngài chứng được đạo quả A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề⁴.”

Phật bèn nói bài tụng:

-
- ¹ Hán: khổ tập ấm 苦集陰; Pāli: dukkha-kkhandhassa samudaya, xem cht. trên.
 - ² Hán: sinh nhãn 生眼; Pāli, sđd.: (Deva Dig II. 1, tr. 29): pubbe ananussutese dhammesu cakkhum udapāti: phát sinh con mắt thấy được các pháp chưa từng được nghe từ trước.
 - ³ Tham chiếu Pāli, sđd.: nāṇaṃ udapādi pañña udapādi vijjā udapādi āloko udapādi: phát sinh trí, phát sinh tuệ, phát sinh minh, phát sinh ánh sáng.
 - ⁴ Hán: A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề 阿耨多羅三藐三菩提, thường dịch là Vô thượng chánh đẳng chánh giác 無上正等正覺; Pāli: Anuttara-sammā-sambodhi, Skt.: Anuttara-samyak-sambodhi.

Lời này nói giữa chúng,
Các người nên lắng nghe.
Bồ-tát quá khứ quán
Mà vốn chưa từng nghe:
Già chết từ duyên gì,
Nhân gì mà có ra?
Quán sát đúng như vậy,
Biết già chết do sanh;
Sanh lại từ duyên gì,
Nhân gì mà có ra?
Suy nghĩ đúng như vậy,
Liên biết sanh do hữu;
Chấp thủ, chấp thủ rồi,
Hữu lần lượt chồng chất.
Vậy nên Như Lai dạy:
Thủ là duyên của hữu.
Như đồng chứa dơ bẩn⁵.
Gió thổi, ác tuôn chảy⁶,
Như vậy nhân của thủ,
Do ái mà rộng sâu.
Ái do từ thọ sanh,
Nảy sinh gốc lưới khổ,
Vì nhân duyên nhiễm trước,
Cùng tương ứng khổ lạc.
Thọ vốn do duyên gì,
Nhân gì mà có thọ?
Suy nghĩ như thế rồi,
Biết thọ do xúc sanh.
Xúc vốn do duyên gì,
Nhân gì mà có xúc?
Suy nghĩ như thế rồi,
Biết xúc từ lục nhập.
Lục nhập do duyên gì,

⁵ Hán: như chúng uest ác tụ 如眾穢惡聚; TNM: dĩ thâm uest ác tụ 以深穢惡聚.

⁶ Hán: phong xuy ác lưu diễn 風吹惡流演; TNM: phong xuy vô lưu diễn 風吹無流演. Có lẽ muốn nói, do gió nghiệp thổi, ác pháp hay uest pháp từ ngoài rò chảy vào tâm.

Nhân gì có lục nhập?
Suy nghĩ như vậy, biết,
Lục nhập do danh sắc.
Danh sắc do duyên gì,
Nhân gì có danh sắc?
Suy nghĩ như vậy biết
Danh sắc từ thức sanh.
Thức vốn do duyên gì,
Nhân gì mà có thức?
Suy nghĩ như vậy rồi,
Biết thức từ hành sanh;
Hành vốn do duyên gì,
Nhân gì mà có hành?
Suy nghĩ như vậy rồi
Biết hành từ si sanh.
Nhân duyên như vậy đó,
Mới thật nghĩa nhân duyên.
Dùng trí tuệ phương tiện,
Quán thấy gốc nhân duyên.
Khổ không do Thánh hiền,
Cũng không phải vô cố.
Nên với khổ biến dịch,
Kẻ trí lo đoạn trừ.
Nếu vô minh dứt sạch,
Lúc đó không còn hành.
Nếu đã không có hành,
Thời cũng không có thức;
Nếu thức hết vĩnh viễn,
Thì danh sắc không còn.
Danh sắc đã dứt rồi,
Làm gì có lục nhập.
Nếu lục nhập trọn dứt,
Thời cũng không có xúc.
Nếu xúc đã dứt hẳn,
Thời cũng không có thọ.
Nếu thọ dứt hết rồi,
Thời cũng không có ái

Nếu ái dứt hết rồi
Thời cũng không có thủ.
Nếu thủ đã dứt rồi,
Thời cũng không có hữu.
Nếu hữu dứt hết rồi,
Thời cũng không có sanh.
Nếu sanh dứt hết rồi,
Thời không khổ già chết.
Hết thấy đều dứt sạch.
Đó lời người trí nói.
Mười hai duyên sâu xa,
Khó thấy khó hiểu biết
Duy Phật mới biết rõ,
Tại sao có, sao không.
Nếu hay tự quán sát,
Thời không còn các nhập.
Người thấu triệt nhân duyên
Không cần tìm thầy ngoài.
Đối với ấm, giới, nhập,
Lìa dục, không, nhiễm trước;
Xứng đáng nhận bố thí;
Thí chủ được báo lành.
Nếu dặng bốn biện tài,
Thành tựu quyết định chứng;
Giải trừ mọi ràng buộc,
Đoạn trừ, không buông lung.⁷
Sắc, thọ, tưởng, hành, thức,
Giống như xe cũ mục;
Quán rõ được như vậy,
Thời thành Bạc Chánh Giác.
Như chim bay giữa không,
Đông tây theo ngọn gió;
Bồ-tát đoạn kết sử,
Như gió thổi áo nhẹ.
Tỳ-bà-thi tịch tịnh,

⁷ TNM: Đoạn trừ vô phóng dật 斷除無放逸.

*Quán sát rõ các pháp;
Già chết duyên đâu có,
Từ đâu già chết dứt,
Ngài quán như vậy rồi,
Phát sanh trí thanh tịnh,
Biết già chết do “sanh”
Sanh dứt, già chết dứt.*

“Lúc Phật Tỳ-bà-thi vừa mới thành đạo, Ngài tu tập nhiều về hai phép quán là An ẩn quán và Xuất ly quán⁸.”

Phật liền dạy bài tụng:

*Như Lai, Bạc Tối Thượng,
Thường tu hai phép quán,
An ẩn và Xuất ly,
Đại Tiên sang bờ kia,
Tâm Ngài được tự tại,
Đoạn trừ mọi kết sử
Lên núi nhìn bốn phương,
Nên hiệu Tỳ-bà-thi.
Ánh đại trí trừ tối,
Như gương sáng soi mình.
Trừ ưu khổ cho đời.
Dứt khổ sanh già chết.*

“Phật Tỳ-bà-thi, lại ở chỗ nhàn tịnh suy nghĩ như vậy: “Ta nay đã chứng được pháp vô thượng thậm thâm vi diệu là pháp khó thấy khó hiểu, tịch tĩnh⁹, thanh tịnh¹⁰, chỉ có người trí mới thấu biết chứ kẻ phàm phu không thể nào hiểu thấu được. Bởi vì chúng sanh có những nhãn dị biệt, kiến dị biệt, chấp thủ dị biệt, sở kiến dị biệt. Dựa theo kiến thức dị biệt đó mỗi người chỉ thích điều mình mong cầu, làm theo tập quán của mình¹¹, cho nên đối với lý nhân duyên thậm diệu¹² này chúng còn không

⁸. An ẩn quán 安隱觀, Xuất ly quán 出離觀; Pāli:?

⁹. Nguyên Hán: tức diệt 息滅; Pāli: santi.

¹⁰. Hán: thanh tịnh 清淨; TNM: tīnh huyên 靜喧; Pāli: paṇīta, vi diệu.

¹¹. Hán: dị kiến, dị nhãn, dị thọ, dị học. Y bỉ sở kiến, các lạc sở cầu, các vụ sở tập (...) 異見異忍異受異學. 依彼所見各樂所求各務所習.

¹². Pāli, sđd.: idappaccayatapaṭiccasamuppāda, y tánh duyên khởi (cái này có do cái kia có, ...)

thể thấu hiểu, hướng chi cảnh Niết-bàn dứt hết mọi tham ái, lại càng khó hiểu gấp bội phần. Ta đâu vì chúng mà nói ra thì chắc chúng không hiểu nổi còn trở lại gây phiền nhiễu”. Suy nghĩ như thế rồi, Ngài im lặng không muốn thuyết pháp.

“Lúc ấy vị vua trời Phạm thiên, biết Đức Tỳ-bà-thi đã nghĩ gì, liền tự nhủ: ‘Cõi thế gian này đang bị sụp đổ, rất đáng thương xót. Đức Phật Tỳ-bà-thi vừa chứng được pháp mầu như thế mà không muốn nói ra.’ Tức thì, trong khoảnh khắc, như lực sĩ co duỗi tay, từ cung Phạm thiên bỗng nhiên hiện xuống, đến trước mặt Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đứng lui một bên, rồi đầu gối mặt quỳ sát đất, chấp tay bạch rằng: ‘Ngưỡng mong Đức Thế Tôn kịp thời thuyết pháp. Các chúng sanh hiện nay, trần cấu mỏng nhẹ, các căn lanh lợi nhiều, có lòng cung kính, dễ bề khai hóa. Chúng đã biết sợ những tội lỗi không ai cứu trong tương lai, biết dứt trừ điều ác, phát sinh điều lành.’

“Phật bảo Phạm vương: ‘Thật vậy, thật vậy, đúng như lời người nói. Nhưng ta ở chỗ nhàn tịnh, thâm lặng suy nghĩ: Chánh pháp ta vừa chứng được vi diệu thậm thâm, nếu đem nói cho chúng sanh, chắc họ không hiểu nổi lại sanh tâm báng bổ, nên ta mặc nhiên không muốn thuyết pháp. Ta nhờ từ vô số a-tăng-kỳ kiếp cần khổ không biếng nhác tu tập những hạnh vô thượng, nay mới chứng ngộ được pháp khó chứng ngộ này, nếu vì hạ chúng sanh còn dâm, nộ, si mà nói ra, chắc chúng không làm theo, chỉ thêm luống uổng. Pháp vi diệu này trái nghịch với đời. Chúng sanh bị dục nhiễm ngu si che ngăn không tin hiểu nổi. Nay Phạm vương, Ta thấy rõ như thế, nên mặc nhiên không muốn thuyết pháp.’

“Khi ấy, Phạm vương lại ân cần khẩn thiết thưa thỉnh một lần nữa, rồi một lần nữa, ân cần khẩn thiết thỉnh cầu đến ba lần rằng: ‘Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn không thuyết pháp, thì nay cõi thế gian này phải bị sụp đổ, rất đáng thương xót. Ngưỡng mong Thế Tôn, kịp thời giảng dạy, chớ để chúng sanh sa đọa đường mê.’

“Đức Thế Tôn nghe Phạm vương ba lần ân cần thưa thỉnh, liền dùng Phật nhãn soi khắp thế giới chúng sanh, thấy sự ô nhiễm của chúng sanh có dày có mỏng, căn tánh có lanh lợi, có chậm lụt; có kẻ dễ khai hóa, có người khó khai hóa. Hạ người dễ khai hóa, biết sợ tội lỗi đời sau, nên gắng lo dứt trừ điều ác, làm phát sanh đường lành. Chúng như hoa Ưu-bát-la, hoa Bát-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa

Phân-đà-ly¹³, có cái vừa ra khỏi bùn nhưng chưa tới mặt nước, có cái đã ra khỏi bùn lại lên ngang mặt nước, có cái tuy lên khỏi mặt nước mà chưa nổi, nhưng cái nào cũng không bị dính bùn, mà dễ dàng nổi ra. Chúng sanh trong thế gian này cũng như thế.

“Đức Thế Tôn bảo Phạm vương: ‘Ta vì thương tưởng các ông sẽ khai diễn pháp môn cam lộ¹⁴ là pháp thâm diệu khó hiểu, khó biết. Nay vì những người tín thọ, muốn nghe, mà nói chứ không phải vì hạng người bài bàng vô ích’.

“Phạm vương biết Phật đã nhận lời thỉnh cầu, nên vui mừng hơn hởi đi quanh Phật ba vòng, cúi đầu đánh lễ rồi biến mất.

“Phạm vương đi chưa bao lâu, Đức Như Lai lại tĩnh mặc suy nghĩ: ‘Nay ta nên nói pháp cho ai trước hết?’ Rồi Ngài lại suy nghĩ: ‘Ta hãy đi vào thành Bàn-đầu, trước hết mở cánh cửa cam lộ cho vương tử ĐỀ-xá và con đại thần là Khiên-đồ.’ Rồi thì, liền trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi tay, Thế Tôn bỗng biến mất khỏi cây đại thọ, Ngài đã đến thành Bàn-đầu, vào vườn Lộc dã của vua Bàn-đầu, trải tọa rồi ngồi.”

Bấy giờ, Phật nói bài tụng:

*Như sư tử trong rừng,
Mặc tình mà đi dạo.
Phật kia cũng như vậy,
Du hành không trở ngại.*

“Phật Tỳ-bà-thi bảo người giữ vườn: ‘Người hãy vào thành báo với vương tử ĐỀ-xá và Khiên-đồ con đại thần rằng: Các ngài có biết không, Đức Phật Tỳ-bà-thi hiện ở trong vườn Lộc dã, muốn gặp các ngài? Các ngài nên biết bây giờ là phải thời.’ Người giữ vườn vâng mệnh tìm đến chỗ hai người trình đủ những điều Phật dạy. Hai người nghe xong, liền đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ, rồi đứng lại một bên. Phật lần lượt thuyết pháp cho họ nghe, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ. Ngài giảng về bố thí, trì giới, sanh thiên; dục là xấu ác, bất tịnh; phiền não là nguy hiểm¹⁵; tán dương sự xuất ly là pháp rất

¹³. Ưu-bát-la 優鉢羅; Pāli: Uppala: sen xanh (bông súng). Bát-đầu-ma 鉢頭摩; Pāli: Paduma: sen hồng. Câu-vật-đầu 拘勿頭; Pāli: Kumuda: sen vàng; Phân-đà-ly 分陀利; Pāli: Puṇḍarīka, sen trắng.

¹⁴. Hán: cam lộ pháp môn 甘露法門; Pāli: amatassa dvāra, cánh cửa bất tử.

¹⁵. Dục ác bất tịnh thượng lậu vi hoạn 欲惡不淨上漏為患. So sánh Pāli, D. 14, sdd.: kāmānam ādinavam okāram samkilesam: dục là nguy hiểm, hạ liệt,

vi diệu tối thượng, thanh tịnh bậc nhất. Khi Phật thấy hai người đã có một tâm ý mêm mại, hoan hỷ tin vui, đủ sức lãnh thọ chánh pháp, thì dạy tiếp về Khổ thánh đế; phân tích, giảng giải, mở bày rành rẽ về Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế và Khổ xuất yếu thánh đế¹⁶. Bấy giờ vương tử Đề-xá và con trai đại thần là Khiên-đồ ngay tại chỗ, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, như tấm vải trắng để nhuộm sắc màu.

“Lúc ấy, địa thần bèn xướng lên rằng: ‘Đức Tỳ-bà-thi Như Lai ở vườn Lộc dã, thành Bàn-đầu, chuyển Pháp luân vô thượng mà các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các Người thế gian khác không thể chuyển được.’ Tiếng nói ấy lần lượt vang đến cõi Tứ thiên vương, cho đến cõi trời Tha hóa tự tại, rồi trong khoảnh khắc vang đến cõi Phạm thiên.”

Phật liền dạy bài kệ:

*Tâm vui mừng hơn hở,
Xưng tán Đức Như Lai.
Tỳ-bà-thi thành Phật,
Chuyển Pháp luân vô thượng.
Bắt đầu từ đạo thọ,
Đi đến thành Bàn-đầu.
Vi Đề-xá, Khiên-đồ
Chuyển Pháp luân Tứ đế.
Đề-xá và Khiên-đồ
Nghe xong lời Phật dạy
Ở trong pháp thanh tịnh
Được phạm hạnh tối cao.
Thiên chúng trời Đao-lợi
Cho đến Thiên Đế Thích,
Vui mừng bảo lẫn nhau,
Nghe khắp cả chư Thiên:
Phật xuất hiện thế gian,*

ô nhiễm.

¹⁶. Khổ thánh đế 苦聖諦, Pāli: Dukkha ariya-sacca; Khổ tập thánh đế 苦集聖諦, Pāli: Dukkha-samudaya ariya-sacca; Khổ diệt thánh đế 苦滅聖諦, Pāli: Dukkha-nirodha ariya-sacca; Khổ xuất yếu thánh đế 苦出要聖諦, Pāli: Dukkha-nirodha-gāminī-paṭipadā ariya-sacca.

Chuyển Pháp luân vô thượng;
 Tăng thêm hàng chư Thiên;
 Giảm bớt A-tu-la.
 Đấng Thế Tôn danh vang
 Thiện trí¹⁷ là thế biên.
 Tự tại đối các pháp,
 Đại Trí chuyển Pháp luân.
 Quán sát pháp bình đẳng,
 Tâm dứt sạch cấu bẩn,
 Để lìa ách sanh tử,
 Đại Trí chuyển Pháp luân.
 Diệt khổ lìa các ác,
 Ly dục được tự tại,
 Xa lìa ngục ái ân,
 Đại Trí chuyển Pháp luân.
 Đấng Chánh Giác Tối Tôn,
 Đấng Điều Ngự Lương Túc,
 Giải thoát mọi ràng buộc,
 Đại Trí chuyển Pháp luân.
 Đạo Sư khéo giáo hóa,
 Hay uốn dẹp oán ma,
 Xa lìa mọi điều ác,
 Đại Trí chuyển Pháp luân.
 Sức vô lậu hàng ma,
 Các căn định, không lười,
 Lậu tận, lìa ma trói,
 Đại Trí chuyển Pháp luân.
 Nếu học pháp quyết định,
 Biết các pháp vô ngã,
 Đó là pháp cao tột,
 Đại Trí chuyển Pháp luân.
 Không vì cầu lợi dưỡng
 Cũng chẳng vì danh dự,
 Chỉ vì thương chúng sanh,
 Đại Trí chuyển Pháp luân.

¹⁷. Thiện trí 善智, TNM: khổ trí 苦智.

*Thấy chúng sanh khổ ách,
Già, bệnh, chết bức bách,
Vi ba đường ác đó,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Đoạn tham, sân nhuế, si;
Nhỏ sạch gốc tham ái,
Được giải thoát bất động,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Ta thắng việc khó thắng
Thắng để tự hàng phục,
Đã thắng ma khó thắng,
Đại Trí chuyển Pháp luân.
Pháp luân vô thượng đó,
Chỉ Phật hay chuyển nói.
Hàng Thiên, Ma, Thích, Phạm,
Không ai chuyển nói được.
Thân cận chuyển Pháp luân,
Làm ích lợi Thiên, Nhân;
Bậc Thiên Nhân Sư đó,
Đã vượt đến bờ kia.*

“Lúc ấy vương tử Đề-xá và công tử Khiên-đồ đã thấy pháp, đắc quả, chân thật không dối thành tựu vô úy, liền bạch Phật rằng: ‘Chúng con muốn ở trong giáo pháp của Như Lai tịnh tu phạm hạnh.’ Phật nói: ‘Hãy đến đây, Tỳ-kheo¹⁸. Pháp ta thanh tịnh, tự tại; hãy tự mình tu hành để dứt trừ hết thống khổ.’ Ngay lúc ấy hai người liền đắc Cụ túc giới. Họ đắc giới chưa bao lâu, Như Lai lại thị hiện ba việc: một là Thần túc, hai là Quán tha tâm, ba là Giáo giới¹⁹, tức thì chứng đắc Tâm giải thoát vô lậu²⁰, phát sinh Vô nghi trí²¹.

¹⁸. Thiện lai Tỳ-kheo 善來比丘: Đức Phật trực tiếp truyền giới Cụ túc, theo Luật tạng, bằng cách nói như thế.

¹⁹. Ba thị đạo; Phật thực hiện ba điều kỳ diệu: 1. Thần biến thị đạo; 2. Ký tâm thị đạo; 3. Giáo giới thị đạo.

²⁰. Haùn: Vô lậu tâm giải thoát 無漏心解脫; Pāli: Anupādāya āsavehi cittāni vimuccim̐su, do không còn chấp thủ mà tâm được giải thoát một cách không còn lậu hoặc.

²¹. Nguyên bản: sinh tử vô nghi trí 生死無疑智; Đây theo TNM: sinh vô nghi trí, không còn nghi ngờ về Bốn thánh đế.

“Bấy giờ số đông nhân dân ở thành Bàn-đầu nghe hai người xuất gia học đạo, mang y cầm bát, tịnh tu phạm hạnh, họ nói nhau rằng: ‘Đạo ấy chắc là đạo chân thật, mới khiến các người kia bỏ vinh vị ở đời, bỏ các thứ quý trọng để tu theo.’ Rồi thì, trong thành có tám vạn bốn ngàn người đi đến vườn Lộc dã, chỗ Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đánh lễ, ngồi lại một bên. Phật lần lượt thuyết pháp, chỉ bày, giáo huấn, khiến cho lợi ích, hoan hỷ²²; nói về bố thí, về trì giới, về sinh thiên; chỉ rõ dục là xấu ác bất tịnh phiền não là nguy hiểm tán thán sự xuất ly là vi diệu tối thượng, thanh tịnh bậc nhất. Khi Đức Thế Tôn thấy đại chúng có một tâm ý mê mại, hoan hỷ tín thọ, đủ sức lãnh thọ Chánh pháp, Ngài liền nói về Khổ thánh đế; phân tích, giảng giải, công bố Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế, Khổ xuất yếu thánh đế. Ngay tại chỗ, cả bốn vạn tám ngàn người đều xa lìa trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, như tấm vải trắng dễ nhuộm sắc màu. Họ được thấy pháp chứng quả, chân thật không dối, thành tựu vô úy, liền bạch Phật rằng: ‘Chúng con muốn ở trong giáo pháp Như Lai mà tịnh tu phạm hạnh.’ Phật dạy: ‘Hãy đến đây, Tỳ-kheo! Pháp ta thanh tịnh, tự tại; hãy theo đó tu hành để dứt trừ thống khổ.’ Khi đó tám vạn bốn ngàn người đều đắc Cụ túc giới. Đắc giới chưa bao lâu Như Lai lại thị hiện ba việc để giáo hóa: một là Thần túc, hai là Quán tha tâm, ba là Giáo giới. Họ tức thì chứng đắc Tâm giải thoát vô lậu, phát sinh Trí vô nghi.

“Hiện tiền có tám vạn bốn ngàn người khác, nghe Phật ở trong vườn Lộc dã chuyển Pháp luân vô thượng mà hàng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma, Phạm và các người thế gian khác không thể chuyển được, liền đến thành Bàn-đầu chỗ Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đánh lễ, ngồi lại một bên.”

Phật lại nói bài tụng:

*Như người cứu đầu cháy,
Nhanh chóng tìm chỗ dập;
Người kia cũng như vậy,
Vội đến trước Như Lai.*

“Phật cũng vì họ nói pháp như trước.

“Đến lúc này tại thành Bàn-đầu đã có mười sáu vạn²³ tám ngàn vị Đại Tỳ-kheo. Tỳ-kheo Đề-xá và Tỳ-kheo Khiên-đồ ở trong đại chúng

²². Thứ tự bốn giai đoạn thuyết pháp của Phật.

²³. TNM: ba mươi bốn vạn.

bồng bay lên không trung, thân phóng xuất nước lửa, hiện các thân thông biến hóa, nói pháp vi diệu cho đại chúng nghe. Bấy giờ Đức Như Lai thầm nghĩ: ‘Nay tại trong thành này đã có mười sáu vạn tám ngàn Đại Tỳ-kheo, ta nên sai đi du hóa; chớ đi hai người một nhóm²⁴, đến khắp các nơi, đứng sáu năm lại trở về thành này để thuyết Cụ túc giới²⁵.’

“Bấy giờ, trời Thủ-đà-hội²⁶ biết được tâm tư của Như Lai, trong khoảnh khắc như lực sĩ co duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời kia mà hiện đến nơi này, đến trước Đức Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ, đứng lại một bên; giây lát, bạch Phật rằng: ‘Bạch Thế Tôn, thật như vậy, trong thành Bàn-đầu này có nhiều Tỳ-kheo, Ngài nên phân bố đi khắp mọi nơi, đứng sáu năm sẽ trở lại thành này để thuyết giới, con sẽ ủng hộ, khiến không ai tìm cơ hội phá khuấy các vị được.’ Như Lai sau khi nghe lời ấy, làm thình nhận lời. Trời Thủ-đà-hội thấy Phật làm thình nhận lời, đánh lễ Phật xong, bỗng biến trở lại cõi trời. Không bao lâu sau, Phật bảo các Tỳ-kheo: Nay trong thành này Tỳ-kheo đã đông, nên mỗi người phân bố đi mỗi hướng du hành giáo hóa. Sau sáu năm hãy trở về tập hợp thuyết giới. Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, mang y cầm bát, đánh lễ Phật rồi đi.”

Phật bèn nói bài tụng:

*Phật sai²⁷ chúng không loạn,
Ly dục, không luyến ái,
Oai như chim kim sí;
Như hạc bỏ ao hoang.*

“Sau đó một năm, trời Thủ-đà-hội nhắc lại các Tỳ-kheo: ‘Các ngài đi du hóa đã qua một năm, còn năm năm nữa, các ngài nên nhớ trọn sáu năm rồi hãy nhóm về thành mà thuyết giới.’ Cứ như thế, đến

²⁴. Nguyên trong bản: các nhị nhân câu 各二人俱. Có thể nhầm lẫn tự dạng các 各 và vật 勿: chớ có. Tham chiếu Pāli: mā ekena dve agamittha: chớ đi hai người thành một nhóm.

²⁵. Để đọc Giới bốn Tỳ-kheo.

²⁶. Thủ-đà-hội thiên 首陀會天; Pāli: Suddhāvāsa), tức Tịnh cư thiên 淨居天, trú xứ của các Thánh giả Bất hoàn 不還 Anāgāmin); D. 14 sđđ: aññataro mahābrahmā: một vị Đại phạm thiên khác.

²⁷. Nguyên Hán: Phật tất vô loạn chúng 佛悉無亂眾; TNM: Phật khiến vô loạn chúng 佛遣無亂眾.

năm thứ sáu, trời lại nhắc rằng: ‘Sáu năm đã mãn, nên trở về thành mà thuyết giới.’ Các Tỳ-kheo nghe lời nhắc xong, thu xếp y bát, trở lại thành Bàn-đâu, đến Lộc dã chỗ Phật Tỳ-bà-thi, cúi đầu đảnh lễ, ngồi lui một bên.”

Phật nói bài tụng:

*Như voi khéo huấn luyện,
Tùy ý sai khiến đi;
Đại chúng cũng như vậy,
Vâng lời mà trở về.*

“Bấy giờ, ở trước mặt đại chúng, Như Lai bay lên không trung, ngồi kiết già, giảng nói giới kinh:

*Nhẫn nhục là bậc nhất,
Niết-bàn là tối thượng,
Cạo tóc, não hại người,
Không phải là Sa-môn.²⁸*

“Trời Thủ-đà-hội lúc ấy ở cách Phật không xa, dùng bài kệ tán Phật rằng:

*Như Lai đại trí,
Vi diệu độc tôn,
Chỉ quán đầy đủ,
Thành Tối chánh giác.
Vi thương quần sanh,
Ở đời thành Đạo.
Dem Bốn chân đế
Dạy hàng Thanh-văn.
Khổ cùng khổ nhân,
Chân lý diệt khổ;
Tám đạo Thánh hiền;
Đưa đến an lạc.
Phật Tỳ-bà-thi
Xuất hiện thế gian;
Ở giữa đại chúng
Như ánh mặt trời.*

“Nói xong bài kệ, bỗng nhiên biến mất.”

²⁸. Xem, luật Tứ Phần, Giới Bốn Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

“Ta nhớ lại, thuở xưa, khi ở tại núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt, có một lần sinh tâm nghĩ rằng: ‘Chỗ Ta sinh ra, đâu đâu cũng có, duy trừ cõi trời Thủ-đà-hội. Giả sử Ta sanh cõi trời kia, thời đã không trở lại đây.’

“Này các Tỳ-kheo, khi ấy Ta lại nghĩ rằng: khi Ta muốn đến cõi trời Vô tạo²⁹, tức thì trong khoảnh khắc như tráng sĩ co duỗi cánh tay, Ta biến mất ở đây mà hiện ở kia. Chư Thiên lúc đó thấy ta đến, liền đánh lễ, đứng lại một bên, bạch với ta rằng: ‘Chúng con đều là đệ tử Đức Phật Tỳ-bà-thi. Chúng con nhờ sự giáo hóa của Ngài mà được sanh đến cõi này.’ Rồi họ kể đủ nhân duyên gốc ngọn của Đức Phật Tỳ-bà-thi. Họ lại nói: ‘Các Đức Phật Thi-khí, Tỳ-xá-bà, Câu-lưu-tôn, Câu-na-hàm, Ca-diếp, Thích-ca Mâu-ni, thấy đều là Thầy của con. Con chịu sự giáo hóa ấy mà sinh ở đây.’ Họ cũng nói nhân duyên bản mặt chư Phật. Cho đến chư Thiên ở cõi trời A-ca-nị-trá, cũng kể với ta như thế³⁰.”

Bấy giờ Phật nói bài tụng:

*Ví như lực sĩ,
Co duỗi cánh tay
Ta, bằng thần thông,
Đến trời Vô tạo.
Đại Tiên thứ bảy³¹,
Hàng phục hai ma,
Vô nhiệt³² vô kiến
Chấp tay kính lễ.
Như cây trú đặc³³
Tiếng đồn Thích Sư,*

²⁹. Vô tạo 無造, hay Vô phiền 無煩; Pāli: Avīha, Skt.: Avriha: một trong năm Tịnh cư thiên.

³⁰. A-ca-nị-trá 阿迦膩吒 hay A-ca-nị-sắc 阿迦膩色, cũng gọi là Hữu đánh, chỉ đỉnh cao của saéc giời, tầng chót trong năm Tònh cư thiên; Pāli: akaniṭṭha, Skt.: Akaniṭṭha.

³¹. Đệ thất Đại Tiên 第七大仙, chỉ Đức Thích Tôn; Skt.: Saptamarsi.

³². Vô nhiệt 無熱; Pāli; Atappa, phía trên Vô phiền thiên (Pāli. Avīha); một trong năm Tịnh cư thiên.

³³. Trú đặc hoặc trú độ 晝度: cây thần thoại, tín hiệu cho ban ngày trên trời Đạo lợi.

*Tướng tốt đầy đủ,
 Đến trời Thiện kiến.³⁴
 Ví như hoa sen,
 Không bị dính nước.
 Thế Tôn vô nhiễm,
 Đến Đại thiện kiến³⁵.
 Mặt trời mới mọc,
 Không chút bụi che;
 Sáng như trăng thu,
 Đến Nhất cứu cánh.³⁶
 Năm Tịnh cư này,
 Chúng sanh hành tịnh,
 Tâm tịnh nên đến
 Trời không phiền não.
 Tịnh tâm mà đến,
 Làm đệ tử Phật.
 Xả ly nhiễm thủ,
 Vui nơi vô thủ,
 Thấy pháp quyết định,
 Đệ tử Tỳ-bà-thi.
 Tịnh tâm mà đến
 Với Đại Tiên Nhân.
 Đệ tử Thi-khí
 Vô cấu, vô vi.
 Tịnh tâm mà đến
 Với Đấng Ly Hữu.
 Đệ tử Tỳ-xá,
 Các căn đầy đủ.
 Tịnh tâm đến Ta,
 Như mặt trời chiếu.
 Con Câu-lưu-tôn,*

³⁴. Thiện kiến thiên 善見天; Pāli: Sudassa (Skt.: Sudrīśa), một trong năm cõi Tịnh cư của Thánh giả A-na-hàm.

³⁵. Đại thiện kiến thiên; Pāli: Sudassī (Skt.: Sudrarāsana) tức chỗ khác gọi Thiện hiện, một trong năm cõi Tịnh cư của Thánh giả A-na-hàm.

³⁶. Nhất cứu cánh 一究竟, hay Sắc cứu cánh, cũng gọi là Hữu đảnh; Pāli: Akaniṭṭha (Skt.: Akaniṭṭha: A-ca-nị-trá thiên), cao nhất trong năm Tịnh cư.

Xả ly các dục.
Tịnh tâm đến Ta,
Sáng màu rực ánh.
Đệ tử Câu-na-hàm,
Vô cấu vô vi.
Tịnh tâm đến Ta,
Sáng như trăng đầy.
Đệ tử Ca-diếp,
Các căn đầy đủ.
Tịnh tâm đến Ta,
Như bắc thiên niệm³⁷
Đại Tiên bất loạn.
Thần túc bậc nhất,
Bằng tâm kiên cố,
Làm đệ tử Phật.
Tịnh tâm mà đến,
Làm đệ tử Phật;
Kính lễ Như Lai,
Kể rõ Chí Tôn,
Chỗ sinh, thành đạo,
Danh tánh, chủng tộc,
Tri kiến thâm pháp,
Thành đạo Vô thượng.
Tỳ-kheo nơi vắng,
Xa lìa bụi dơ,
Siêng năng không lười.
Đoạn chư hữu kết
Ấy là nhân duyên,
Sự tích chư Phật,
Mà được diễn giải,
Bởi Đức Thích-ca.

Phật nói kinh “Đại nhân duyên” xong. Các Tỳ-kheo nghe những điều Phật nói hoan hỷ phụng hành.



³⁷. Như bắc thiên niệm 如北天念, không rõ nghĩa. Bản Cao ly không có; TNM có.

